

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 885/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2020

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...S.....
	Ngày: 25/6/2020

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;**Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;**Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Luật Dược ngày 14 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;**Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017- 2020;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020- 2030” với các nội dung chủ yếu sau:****I. QUAN ĐIỂM**

1. Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) nhằm phục vụ Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phát huy tiềm năng thế mạnh về nông nghiệp hữu cơ của các vùng miền và địa phương.

2. Phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng sinh học, góp phần phát triển du lịch, dịch vụ.

3. Phát triển nông nghiệp hữu cơ phải được triển khai cả về chiều rộng và chiều sâu theo hướng: tăng cường áp dụng rộng rãi các biện pháp hữu cơ (phân bón hữu cơ, thuốc sinh học...) trong sản xuất nông nghiệp và từng bước tăng dần tỷ lệ sản phẩm hữu cơ được chứng nhận theo yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới.

4. Phát triển nông nghiệp hữu cơ ở các quy mô, cấp độ từ hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhằm tạo ra thực phẩm hữu cơ, môi trường an toàn cho người nông dân và sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao.

5. Phát triển nông nghiệp hữu cơ phải huy động sự tham gia của các nhà quản lý, nhà khoa học, các tổ chức quốc tế, các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của khu vực và thế giới; đưa Việt Nam trở thành quốc gia có trình độ sản xuất nông nghiệp hữu cơ ngang bằng các nước tiên tiến trên thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5-2% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 1% tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, chè, hồ tiêu, cà phê, điều, dứa...

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 1 - 2% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong nước. Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ theo tiềm năng thế mạnh được ưu tiên: Sữa, sản phẩm mật ong, sản phẩm yến sào, thịt gia súc gia cầm...

- Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 0,5-1,5% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó một số loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế: tôm nước lợ, tôm càng xanh, các loài thủy sản bản địa...

- Diện tích sản xuất muối dinh dưỡng hữu cơ đạt khoảng 5 - 10% tổng diện tích sản xuất muối dinh dưỡng.

- Đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90 - 95%, đối với hình thức thâm canh (sử dụng môi trường rừng để sản xuất) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75 - 80%.

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- Sản xuất và tiêu thụ phân bón hữu cơ trong nước đạt 3 triệu tấn vào năm 2020 và tăng dần trong các năm tiếp theo, tăng tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón lên 15% năm 2025; tăng số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng lên trên 30%.

b) Đến năm 2030

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 2,5 - 3% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 2% tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, chè, hồ tiêu, cà phê, điều, dứa...

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 2 - 3% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong nước. Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ bao gồm: Sữa, sản phẩm mật ong, sản phẩm yến sào, thịt gia súc gia cầm...

- Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 1,5 - 3% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó một số loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế: tôm nước lợ, tôm càng xanh, các loài thủy sản bản địa...

- Diện tích sản xuất muối dinh dưỡng hữu cơ đạt khoảng trên 10% tổng diện tích sản xuất muối dinh dưỡng.

- Đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 95 - 98%, đối với hình thức thâm canh (sử dụng môi trường rừng để sản xuất) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 80 - 85%.

- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,5 - 1,8 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

III. NHIỆM VỤ

1. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các sản phẩm hữu cơ chủ lực

Ưu tiên sử dụng các vùng có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi để sản xuất hữu cơ; ưu tiên lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi và giống cây trồng, vật nuôi thích ứng tốt với điều kiện thổ nhưỡng, chống chịu sâu bệnh và có thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

Hình thành vùng sản xuất các sản phẩm bản địa, đặc trưng có tiềm năng để xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm để đầu tư sản xuất hữu cơ.

a) Vùng trồng trọt hữu cơ

Xác định được các vùng sản xuất hữu cơ phù hợp với các sản phẩm chủ lực như lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, chè, hồ tiêu, cà phê, dứa, điều... cần có kế hoạch chuyển đổi các vùng đang sản xuất các sản phẩm chủ lực này sang sản xuất hữu cơ.

- Vùng lúa hữu cơ: diện tích gieo trồng khoảng 50 – 70 nghìn ha năm 2025 và khoảng 100 - 150 nghìn ha năm 2030.

- Vùng rau đậu hữu cơ: diện tích gieo trồng đạt khoảng 10 nghìn ha năm 2025 và trên 20 nghìn ha năm 2030.

- Vùng cây ăn quả các loại hữu cơ: diện tích trồng đạt khoảng 10 - 12 nghìn ha năm 2025 và khoảng 20 - 25 nghìn ha năm 2030.

- Vùng chè hữu cơ: diện tích trồng đến năm 2025 đạt khoảng 1,5 - 2 nghìn ha, năm 2030 khoảng 3 - 5 nghìn ha.

- Vùng hồ tiêu hữu cơ: diện tích trồng đến năm 2025 đạt khoảng 1,5 - 2 nghìn ha, năm 2030 đạt khoảng 3 - 4 nghìn ha.

- Vùng cà phê hữu cơ: diện tích trồng đạt khoảng 6 - 8 nghìn ha năm 2025 và khoảng 12 - 15 nghìn ha năm 2030.

- Vùng điều hữu cơ: diện tích trồng đến năm 2025 đạt khoảng 1 - 1,5 nghìn ha, năm 2030 đạt khoảng 2 - 3 nghìn ha.

- Ngoài ra còn các vùng cây trồng hữu cơ tập trung khác như vùng dứa hữu cơ khoảng 2 - 4 nghìn ha, vùng ca cao hữu cơ tập trung khoảng 100 ha...

b) Vùng chăn nuôi hữu cơ

Xây dựng các vùng chăn nuôi hữu cơ với các sản phẩm chủ lực như: Sữa, sản phẩm mật ong, sản phẩm yến, thịt gia súc gia cầm... riêng vùng chăn nuôi trâu, bò hữu cơ gắn với vùng đồng cỏ, vùng trồng trọt sản xuất thức ăn thô xanh hữu cơ.

- Vùng chăn nuôi trâu, bò hữu cơ: đàn trâu, bò đến năm 2025 đạt khoảng 100 - 150 nghìn con và đến năm 2030 đạt khoảng 160 - 180 nghìn con, trong đó bò sữa khoảng 10 - 15 nghìn con năm 2025 và khoảng 20 - 30 nghìn con năm 2030.

- Vùng chăn nuôi lợn hữu cơ: đàn lợn đạt khoảng 250 - 400 nghìn con năm 2025 và khoảng 600 - 800 nghìn con năm 2030.

- Vùng chăn nuôi gia cầm hữu cơ: đàn gia cầm đạt khoảng 5 - 8 triệu con năm 2025 và khoảng 9 - 12 triệu con năm 2030, trong đó đàn gà hữu cơ khoảng 9 - 10 triệu con.

- Vùng nuôi ong hữu cơ: sản lượng mật ong hữu cơ khoảng 5 - 8 nghìn tấn.

c) Vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ

Xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ với các sản phẩm chủ lực như tôm nước lợ, tôm càng xanh, các loài thủy sản bản địa... Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ gắn với thị trường trong nước, xuất khẩu. Vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ tập trung với diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 60 - 80 nghìn ha.

d) Vùng sản xuất muối dinh dưỡng hữu cơ

Vùng sản xuất muối dinh dưỡng hữu cơ đạt khoảng 1,7 - 2 nghìn ha.

đ) Vùng sản xuất, khai thác sản phẩm từ tự nhiên

Xây dựng và phát triển vùng sản xuất hữu cơ được chứng nhận từ các vùng sản xuất, khai thác sản phẩm tự nhiên (rừng tự nhiên, ao hồ, sông suối tự nhiên).

2. Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất sản phẩm hữu cơ

- Xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung tạo ra hàng hóa quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực.

- Khuyến khích các hình thức sản xuất quy mô hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác sản xuất các sản phẩm đặc sản bản địa, sản phẩm khai thác từ tự nhiên có giá trị gia tăng cao và giá trị truyền thống.

- Đẩy mạnh phong trào xây dựng vườn cây hữu cơ gắn với thu gom rác thải, làm phân hữu cơ, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp ở các xã nông thôn mới.

3. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ cao kết hợp với phát huy kiến thức bản địa, sản xuất hữu cơ gắn với

chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào, giảm phát thải khí nhà kính.

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thay thế kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp.

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng độ phì nhiêu đất, nhu cầu dinh dưỡng cho các cây trồng chủ lực phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững.

- Bảo tồn, phục tráng, khai thác, phát triển và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, đặc hữu, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng cao và giá trị sinh học đặc thù, đảm bảo tính cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu bảo vệ sức khỏe của người dân.

- Nghiên cứu chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, đặc biệt kháng sâu bệnh, phù hợp với sản xuất hữu cơ; nghiên cứu, phát triển và sử dụng con giống, vật tư đầu vào hữu cơ trong nuôi trồng thủy sản.

- Triển khai thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, dược liệu và muối) gắn với chuỗi giá trị cho một số sản phẩm chủ lực, đặc sản có lợi thế của các địa phương và mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ tại danh mục kèm theo; từng bước nhân rộng mô hình.

4. Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ, công chức các cấp làm công tác quản lý, kiểm tra giám sát các tổ chức chứng nhận và sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Nâng cao năng lực chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho các tổ chức chứng nhận.

- Đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ.

- Tăng cường giáo dục về nông nghiệp hữu cơ cho học sinh phổ thông và sinh viên các trường dạy nghề, cao đẳng và trường đại học thuộc lĩnh vực nông lâm thủy sản.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho sản xuất hữu cơ, tăng cường công tác đào tạo chuyên gia chuyên sâu về nông nghiệp hữu cơ (ở cả trung ương và địa phương); nâng cao chất lượng đào tạo, thành lập cơ sở đào tạo chuyên sâu về nông nghiệp hữu cơ được cơ quan quản lý nhà nước chỉ định.

5. Phát triển các tổ chức chứng nhận, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy trình kỹ thuật

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để thành lập và phát triển các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam.

- Từng bước hình thành hệ thống tổ chức chứng nhận của Việt Nam được thừa nhận bởi các quốc gia nhập khẩu, tổ chức chứng nhận quốc tế.

- Các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam phải thực hiện đúng và nghiêm túc việc quản lý giám sát các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp hữu cơ do đơn vị chứng nhận.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật phục vụ sản xuất và quản lý nông nghiệp hữu cơ.

6. Tăng cường chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm hữu cơ

- Ưu tiên chế biến các sản phẩm hữu cơ bao gồm các món ăn, các loại thực phẩm, đồ uống, thuốc dược liệu, mỹ phẩm... để nâng cao giá trị gia tăng.

- Xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp hữu cơ từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao để chế biến sâu, tinh chế tạo ra sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có giá trị cao mang thương hiệu Việt Nam.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và phát triển thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đưa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện ích và chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn.

7. Phát triển các vật tư đầu vào phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ

- Công bố công khai danh mục các vật tư đầu vào đảm bảo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng chính sách khuyến khích sử dụng vật tư đầu vào hữu cơ để sản xuất sản phẩm hữu cơ trong các lĩnh vực nông lâm thủy sản.

- Đa dạng nguồn sản phẩm làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản hữu cơ như các loại thức ăn xanh, ủ chua, sấy khô, bột cá... để phát triển chăn nuôi, thủy sản hữu cơ. Phát triển và sử dụng con giống, vật tư đầu vào hữu cơ trong nuôi trồng thủy sản.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về nông nghiệp hữu cơ

a) Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung

- Các địa phương căn cứ vào lợi thế về điều kiện sinh thái, sản phẩm có thể mạnh và thị trường tiêu thụ, xác định các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực, trên cơ sở đó tiến hành xây dựng đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, đánh giá đất đai, nguồn nước, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, định hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung, kêu gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu sản xuất hữu cơ đầu tư vào sản xuất.

- Xây dựng hệ thống phân phối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ (kết hợp với du lịch, nông nghiệp sinh thái) theo đặc thù vùng miền, qua đó tổng kết bài học thành công để hoàn thiện các quy trình kỹ thuật và tập huấn, chuyển giao.

- Tăng cường sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng, khép kín chu trình trong khu vực sản xuất tạo tiền đề cho sự phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định (thông qua sử dụng sản phẩm từ trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản và cung cấp nguyên liệu làm phân bón hữu cơ cho trồng trọt).

- Xác định các vùng có tiềm năng thế mạnh về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ để khuyến khích các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đầu tư vào sản xuất.

b) Quản lý đầu vào của sản xuất hữu cơ

- Quản lý giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

- Quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào được sử dụng trong sản xuất hữu cơ: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản, chất phụ gia...

- Quản lý nguồn nước sử dụng cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ: nước tưới cho cây trồng, nước dùng cho vật nuôi, nuôi trồng thủy sản...

- Quản lý các quy trình canh tác cây trồng hữu cơ, quy trình chăm sóc vật nuôi và thủy sản hữu cơ.

c) Quản lý sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

- Các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam khi lưu thông trên thị trường phải được chứng nhận và có nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc, lô-gô sản phẩm tương ứng với tiêu chuẩn đã được chứng nhận.

- Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc kiểm tra giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ và chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định để đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận khi lưu thông trên thị trường.

- Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ tại từng công đoạn sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ

- Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đã có: Thực hiện các cơ chế chính sách đã ban hành về nông nghiệp hữu cơ (thực hiện các khoản 1, 2, 3 Điều 16 và khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17 chương VI về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ).

- Hoàn thiện cơ chế chính sách, hệ thống văn bản pháp luật để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng cơ chế chính sách mới, đặc biệt là khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đầu tư trong lĩnh vực này.

3. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030.

4. Xây dựng và nhân rộng mô hình điểm nông nghiệp hữu cơ

- Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia thành lập các tổ chức chứng nhận trong nước có uy tín và đầu tư xây dựng các mô hình nghiên cứu chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến các sản phẩm hữu cơ.

- Xây dựng mô hình khuyến nông về sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; hoàn thiện các quy trình kỹ thuật, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân.

- Xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ theo liên kết chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm hữu cơ và nhân rộng theo các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, muối.

- Xây dựng mô hình về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp hữu cơ.

5. Thông tin tuyên truyền

- Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực thi các chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ để tạo niềm tin cho người tiêu

dùng trong sử dụng, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Hỗ trợ các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn vốn:

- Vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Vốn ngân sách thông qua việc hỗ trợ xây dựng các đề án, dự án, tư vấn kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của các bộ ngành và lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án ODA và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của đề án áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì thực hiện Đề án bao gồm:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án của các bộ, ngành và địa phương khác có liên quan.

- Chủ trì đề xuất và xây dựng các cơ chế, chính sách cần thiết liên quan đến nông nghiệp hữu cơ.

- Chủ trì lựa chọn và xác định các yếu tố hoàn thiện các mô hình thí điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại các địa phương theo danh mục đã phê duyệt; chỉ định các đơn vị có năng lực nghiên cứu, chứng nhận và liên kết chuỗi giá trị tham gia triển khai các mô hình thí điểm; xây dựng kế hoạch triển khai và từng bước nhân rộng mô hình.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn các nội dung liên quan đến Đề án.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai thực hiện Đề án.

2. Bộ Y tế

- Nghiên cứu và ứng dụng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng dinh dưỡng cao và giá trị sinh học đặc thù đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và nâng cao bảo vệ sức khỏe của người dân.

- Thực hiện quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh dược liệu hữu cơ, mỹ phẩm hữu cơ, thực phẩm hữu cơ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ lưu thông trên thị trường theo định kỳ quy định.

- Nghiên cứu khảo sát phát triển các sản phẩm y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ các nguyên liệu dược liệu hữu cơ.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành và địa phương đánh giá, xác định vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ; quy định việc thực hiện các yêu cầu về sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, lồng ghép công tác bảo tồn với việc phát triển vùng nông nghiệp hữu cơ.

- Nghiên cứu đề xuất các biện pháp thúc đẩy tái sử dụng chất thải, phế phụ phẩm hữu cơ trở thành nguyên liệu sản xuất, hạn chế vứt bỏ, lãng phí và gây ô nhiễm môi trường.

4. Bộ Công Thương

- Thực hiện quản lý nhà nước đối với kinh doanh thực phẩm hữu cơ và sản phẩm hữu cơ khác thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; thực hiện quản lý thị trường đối với sản phẩm hữu cơ theo quy định.

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ lưu thông trên thị trường.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng, sửa đổi, công bố các tiêu chuẩn Việt Nam về nông nghiệp hữu cơ.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, mô hình điểm phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ trong các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

6. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ của đề án, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Ngân sách nhà nước và hướng dẫn việc lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện bảo đảm hiệu quả đầu tư.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ ngành Nông nghiệp thực hiện Đề án này.

9. Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam

Phối hợp tham gia tổ chức tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho hội viên thực hiện đề án thuộc thẩm quyền của Hiệp hội.

10. Nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức khác

Các bộ, ngành khác và các tổ chức hội nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan để thực hiện Đề án; vận động, tuyên truyền người dân, doanh nghiệp tham gia sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ và gắn kết chuỗi giá trị nông sản hữu cơ.

11. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Xác định sản phẩm lợi thế, lĩnh vực chủ lực, vùng có lợi thế về sản xuất hữu cơ, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng đề án, dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ đáp ứng yêu cầu và phù hợp với tiêu chuẩn ngành nông nghiệp.

- Xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù của địa phương như đất đai, hạ tầng, giống, công nghệ sản xuất hữu cơ... phục vụ cho phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ của địa phương, hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện đề án của địa phương gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

Điều 3. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). **110**

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trịnh Đình Dũng



Phụ lục
DANH MỤC MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ GIAI ĐOẠN 2020 - 2030
Kèm theo Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên mô hình	Quy mô	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện
I	Sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, dược liệu và muối)				
1	Xây dựng mô hình sản xuất lúa – tôm hữu cơ tại một số tỉnh ĐBSCL	100 - 200 ha/01 mô hình	Gạo hữu cơ; Tôm hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
2	Xây dựng mô hình sản xuất lúa đặc sản hữu cơ tại một số tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, ĐBSH	20 - 50 ha/01 mô hình	Gạo đặc sản hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
3	Xây dựng mô hình sản xuất rau hữu cơ tại một số tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, ĐBSH, Tây Nguyên	20 - 50 ha/01 mô hình	Rau hữu cơ các loại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
4	Xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả có múi hữu cơ tại một số tỉnh trồng cây có múi trọng điểm	100 - 200 ha/01 mô hình	Quả hữu cơ và sản phẩm chế biến	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
5	Xây dựng mô hình sản xuất chè hữu cơ tại một số tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên	100 - 300 ha/01 mô hình	Chè hữu cơ các loại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
6	Xây dựng mô hình sản xuất cà phê hữu cơ tại một số tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên	20 - 50 ha/01 mô hình	Cà phê hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
7	Xây dựng mô hình sản xuất hồ tiêu hữu cơ tại một số tỉnh Tây Nguyên, Đông nam Bộ	10 - 30 ha/01 mô hình	Hồ tiêu hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
8	Xây dựng mô hình sản xuất điều hữu cơ tại một số tỉnh Tây Nguyên, Đông nam Bộ	100 - 500 ha/01 mô hình	Điều hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn

9	Xây dựng mô hình sản xuất dừa hữu cơ tại một số tỉnh ĐBSCL	100 - 500 ha/01 mô hình	Dừa hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
10	Xây dựng mô hình chăn nuôi hữu cơ tại một số tỉnh chăn nuôi tập trung, trọng điểm	- Gia súc, gia cầm: 300 - 10.000 con/01 mô hình; - Ong mật: 200 - 500 đàn/01 mô hình	Sữa, thịt, trứng và mật ong hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
11	Xây dựng mô hình sản xuất dược liệu hữu cơ với các loài bản địa có lợi thế tại một số tỉnh miền núi phía Bắc, Nam trung Bộ, Tây Nguyên	05 - 10 ha/01 mô hình	Dược liệu hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn
12	Xây dựng mô hình sản xuất muối dinh dưỡng hữu cơ tại một số tỉnh vùng sản xuất muối trọng điểm	50 - 500 ha/01 mô hình	Muối dinh dưỡng hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn.
II	Nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ; chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ				
1	Xây dựng và Phát triển mô hình tổ chức nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ		Tổ chức hoạt động độc lập về: - Nghiên cứu vật liệu đầu vào đáp ứng sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong điều kiện thực tế các vùng miền của Việt Nam; - Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và dịch vụ phục vụ nông nghiệp hữu cơ.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hiệp hội, doanh nghiệp
2	Xây dựng và Phát triển mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ		Tổ chức hoạt động độc lập làm dịch vụ chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và được thừa nhận bởi các nước nhập khẩu hoặc tổ chức chứng nhận uy tín trên thế giới.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hiệp hội, doanh nghiệp